

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH Q NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/KDTM-ST

Ngày: 15/8/2017

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH Q NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2017 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXX-ST ngày 08/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-KDTM ngày 31/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-KDTM ngày 16/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST-KDTM ngày 04/7/2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 91/TB-TA ngày 26/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Tấn H - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Q. (Theo văn bản uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Địa chỉ: Số 47 đường H, thành phố Q, tỉnh Q Ngãi.

Ông Lê Tấn H uỷ quyền lại cho ông Nguyễn T – Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Q - Phòng giao dịch C (Theo văn bản uỷ quyền số 96/NHNo-TPQN ngày 26/7/2017).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn P, sinh năm 1973

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị C, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường C, thành phố Q, tỉnh Q Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 24/10/2016, bản tự khai ngày 03/4/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) có ông Nguyễn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo giấy đề nghị vay vốn, ngày 07 tháng 10 năm 2013 Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Q - Phòng giao dịch C ký Hợp đồng tín dụng số TC 2181/HĐTD cho ông Nguyễn P vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích sử dụng là để mua bán thủy sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh theo lãi suất cho vay cùng loại theo thỏa thuận của các bên, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, phương thức trả lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần.

Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay trên, ông P và vợ là bà Võ Thị C đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số TC1663 ngày 24/11/2011, công chứng cùng ngày, đăng ký thế chấp ngày 25/11/2011 đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 3114, tờ bản đồ số 01, diện tích 119 m² tại phường C, thành phố Q do UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP322115, sổ vào sổ H02670 cho hộ ông Nguyễn Q ngày 26/5/2009, chỉnh lý trang 4 cho ông P, bà C ngày 03/7/2009 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, công chứng ngày 11/6/2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi theo thỏa thuận đã ký, ông P chỉ trả được 04 tháng tiền lãi tổng cộng là 6.804.185đ.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 139.147.222đ, trong đó nợ gốc là 100.000.000đ, tiền nợ lãi là 39.147.222đ (lãi tạm tính đến ngày 10/8/2017) cùng lãi phát sinh cho đến ngày tất toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất không yêu cầu xử lý tài sản trên đất.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

* Tại Bản tự khai ngày 16/3/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/3/2017 và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn P trình bày: Ngày 07/10/2013 ông có ký hợp đồng tín dụng số TC 2181/HĐTD vay của Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Q - Phòng giao dịch C số tiền 100.000.000đ. Sau khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên vợ ông là bà Võ Thị C đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Từ lúc vay tiền đến nay, bà C có gửi về cho ông số tiền 6.804.185đ để ông trả lãi cho Ngân hàng, sau đó bà C không gửi tiền về và không liên lạc với ông, hiện nay bà C ở đâu ông không biết.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông phải trả 100.000.000đ tiền nợ gốc và 39.147.222đ tiền nợ lãi, ông đồng ý nhưng yêu cầu Tòa buộc bà C cùng với ông chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Ông và bà C có ký hợp đồng thế chấp sổ TC1663 ngày 24/11/2011 về việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 3114, tờ bản đồ số 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Q Ngãi để bảo đảm cho khoản vay trên của ông. Tuy nhiên hiện nay ông không có chỗ ở nào khác nên ông không đồng ý xử lý tài sản thế chấp mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Tòa án để làm việc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, 35, 144, 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 12, 15, 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 139.147.222đ, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000đ, còn lại là lãi trong hạn và quá hạn (tính đến ngày 10/8/2017) và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông P không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên, thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3114, tờ bản đồ số 01, diện tích 119m² tại tổ 4, phường C, thành phố Q của ông Nguyễn P và bà Võ Thị C. Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản gắn liền với đất. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc Ngân hàng chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngày 11/8/2017 ông Nguyễn P có đơn xin miễn tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên đề nghị xét miễn cho ông P tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn P thừa nhận tính đến ngày 10/8/2017 ông còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền 139.147.222đ, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000đ, tiền nợ lãi trong hạn là 30.722.222đ, tiền nợ lãi quá hạn là

8.425.000đ. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ trên cùng lãi phát sinh cho đến ngày tắt toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, ông P đồng ý. Theo Hợp đồng tín dụng số TC 2181/HĐTD ngày 07/10/2013 chỉ có ông P ký bên vay và Ngân hàng chỉ yêu cầu ông P trả số tiền nợ, không yêu cầu bà C cùng trả số nợ trên nên buộc ông Nguyễn P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nói trên (lãi tạm tính đến ngày 10/8/2017) cùng lãi phát sinh cho đến ngày tắt toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thửa đất số 3114, tờ bản đồ số 01, diện tích 119m² tại tổ 4, phường C, thành phố Q do UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP322115, số vào sổ H02670 ngày 26/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Q, chính lý trang 4 cho ông Nguyễn P, bà Võ Thị C ngày 03/7/2009. Ông P, bà C đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp số TC1663 ngày 24/11/2011, công chứng cùng ngày, đăng ký thế chấp ngày 25/11/2011 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Ngân hàng rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, không yêu cầu xử lý tài sản trên đất. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là tài sản trên đất.

Đối với bà Võ Thị C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà C không đến Tòa và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ do Ngân hàng cung cấp, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông P và bà C.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, Ngân hàng tự nguyện chịu là phù hợp (đã nộp xong).

Về án phí: Ông Nguyễn P thuộc diện hộ nghèo, ông P có đơn xin miễn tiền án phí đề ngày 11/8/2017, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q ngày 14/8/2017. Theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông P được miễn toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 30, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

- Buộc ông Nguyễn P phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền 139.147.222đ (Một trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000đ, tiền nợ lãi trong

hạn là 30.722.222đ, tiền nợ lãi quá hạn là 8.425.000đ (tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2017) cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tài sản trên đất.

- Trường hợp ông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 3114, tờ bản đồ số 01, diện tích 119m² tại tổ 4, phường C, thành phố Q do UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP322115, số vào sổ H02670 ngày 26/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Q, chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn P, bà Võ Thị C ngày 03/7/2009 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TC 1663 ngày 24/11/2011 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn P và bà Võ Thị C với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Q – Phòng giao dịch C, công chứng cùng ngày 24/11/2011, đăng ký thế chấp ngày 25/11/2011 để đảm bảo thi hành khoản nợ trên theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn P tiếp tục có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Ngân hàng N tự nguyện chịu (đã nộp xong).

- Về án phí: Ông Nguyễn P được miễn nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.206.000đ (Ba triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002497 ngày 24/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q Ngãi;
- VKSND TP.Q Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Q Ngãi;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Huỳnh Thị Hồng Hoa